

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/ 2024/ HNGĐ - ST  
Ngày: 14 - 5- 2024.  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu.

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 28/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định xét xử số 15/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện tại: Xóm 6, Đông T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Anh Phạm Văn C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Huyền T còn vắng mặt anh Phạm Văn C (Anh C đã có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/ 5/2024).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Nguyễn Huyền T trình bày: Chị và anh Phạm Văn C, sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 25 tháng 7 năm 2016 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sống cùng với gia đình anh C, tại xóm T, xã K, huyện Y. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời, cờ bạc không tu chí làm ăn dẫn đến sự bất đồng về quan điểm sống và khó khăn về kinh tế, nhưng chị T vẫn cố gắng tự khắc phục, hy vọng anh C sẽ sửa đổi. Do cuộc sống luôn căng thẳng, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, nên tháng 5 năm 2018 chị T đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện Y để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh C cũng đã cố gắng tìm cách tháo gỡ, khắc phục mâu thuẫn, nhưng bản thân anh C không hề có thay đổi mà càng chơi bời, buông thả hơn. Từ năm 2019

đến nay chị và anh C đã không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị và anh C không thể về đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh C có một con chung là cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2018. Từ khi sinh cháu N, anh C đã không quan tâm đến con và cũng không chu cấp tiền nuôi con cho chị. Nay chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, đủ để trang trải cuộc sống của hai mẹ con, hơn nữa anh C hiện đang chưa có công việc làm, thu nhập không có nên chị không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Về con riêng, chị và anh C không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định quá trình chung sống chị và anh C không có tài sản gì. Do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Phạm Văn C là bị đơn đề ngày 22/03/2024, anh C trình bày: Anh và chị Nguyễn Huyền T được tự do tìm hiểu và kết hôn hợp pháp vào ngày 25/7/2016 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Quá trình về chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, cá nhân anh cũng nhận thấy bản thân anh có những thiếu sót, chưa dành thời gian quan tâm gia đình nhiều dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 5/2018, chị T đã dọn về nhà bố mẹ để ở tại xã K, huyện Y để ở, mặc dù anh đã hết mực khuyên ngăn. Do vậy vợ chồng sống ly thân kể từ đó, tuy nhiên trong khoảng thời gian ly thân, anh cũng đã liên hệ mong muốn chị T cho anh cơ hội và thời gian để anh khắc phục mâu thuẫn. Do vậy anh không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Huyền T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2018. Anh không nhất trí ly hôn, tuy nhiên nếu phải ly hôn anh nhất trí giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, vì từ nhỏ đến nay cháu N đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T. Về con riêng, anh và chị T không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh C và đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2018 cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị. Về con riêng chị và anh C không ai có; về tài sản chị và anh C không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn

thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chị Nguyễn Huyền T xử cho ly hôn với anh Phạm Văn C. Về con: Giao cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2018 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là phù hợp với điều kiện của chị và quy định của pháp luật. Về tài sản chị T xác định không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Huyền T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn C, có địa chỉ tại xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Phạm Văn C vắng mặt vì anh C đã có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Huyền T và anh Phạm Văn C có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 7 năm 2016 tại UBND xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống. Chị T nhận thấy nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh C chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Chị T đã cố gắng khuyên nhủ với mong muốn anh C có trách nhiệm hơn với gia đình, để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc nuôi dạy con, tuy nhiên anh C không thay đổi. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vào tháng 5 năm 2018, chị T đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện Y để sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó. Trong khoảng thời gian sống ly thân chị T và anh C đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng cả hai đều không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2019, vợ chồng đã không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay anh C mong muốn chị T cho anh cơ hội để anh sửa chữa những thiếu sót của bản thân nên anh không nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Căn cứ vào các tài liệu chị T xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã K nơi anh C sinh sống, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh C trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, nên xét thấy tình cảm dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa

chị T và anh C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Huyền T xin ly hôn với anh Phạm Văn C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Huyền T và anh Phạm Văn C có một con chung là cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2018. Hiện cháu N đang do chị T nuôi dưỡng, nay chị T và anh C đều thống nhất giao cháu N cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng và anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T. Nhận thấy cháu N còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Mặt khác chị T hiện đang là công nhân, có mức thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Do vậy cần giao cháu N cho chị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn C không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là phù hợp. Về con riêng, chị T và anh C không có nên không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết chị T và anh C đều xác định không có tài sản và công nợ, nên chị T, anh C không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Huyền T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

**Vì các lẽ trên.**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Huyền T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Phạm Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Huyền T được ly hôn anh Phạm Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2018 cho chị Nguyễn Huyền T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn C không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. “Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Huyền T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/2023 số 0001651 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**